ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2211/KH-UBND	*Bến Tre, ngày 22 tháng 5 năm 2018*

KẾ HOẠCH
Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018 - 2020 và đến năm 2030

I. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Tính đến năm học 2017 - 2018, hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh có 519 đơn vị, cụ thể như sau:

1. Giáo dục mầm non (GDMN)

Có 164 cơ sở giáo dục công lập (điểm trường chính) và 275 điểm trường lẻ. thành phố Bến Tre là đơn vị có điểm trường lẻ thấp nhất (điểm trường lẻ: 10/điểm trường chính: 14). Các đơn vị có điểm trường lẻ cao là Ba Tri (54/25), Mỏ Cày Nam (35/17), Thạnh Phú (34/18).

2. Giáo dục phổ thông

a) Tiểu học (TH) có 190 trường (điểm trường chính) và 252 điểm trường lẻ. Các đơn vị có điểm trường lẻ cao là Ba Tri (43/28), Giồng Trôm (42/25), Mỏ Cày Nam (37/23), Thạnh Phú (36/19).

b) Trung học cơ sở (THCS) có 132 trường; Trung học phổ thông (THPT) có 33 trường. Các trường THCS, THPT không có điểm trường lẻ. *(Phụ lục I)*

Nhận định chung:

Hệ thống cơ sở GDMN và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh được phân bố khá hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh; là điều kiện quan trọng giúp tỉnh nhà đạt nhiều thành quả trong thực hiện phổ cập giáo dục trong thời gian qua.

Các cơ sở GDMN và phổ thông công lập nhờ được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh cùng với sự quan tâm đầu tư từ Trung ương, nên cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở GDMN và phổ thông ngày càng khang trang, hiện đại (đặc biệt ở điểm trường chính), bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị nói riêng, của ngành giáo dục nói chung.

Trước đây, do điều kiện đi lại của học sinh còn khó khăn nên phải xây dựng nhiều điểm trường lẻ để đáp ứng nhu cầu học tập của các em. Tuy nhiên, sự tồn tại của các cơ sở giáo dục với nhiều điểm trường lẻ cũng là yếu tố gây hạn chế cho công tác quản lý các hoạt động giáo dục, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, duy trì chất lượng giáo dục của nhà trường. Mặt khác, việc quy hoạch mạng lưới trường phổ thông trước đây, chủ yếu là TH và THCS, hiện

đang lộ ra nhiều bất cập. Cụ thể: có khá nhiều trường có quy mô nhỏ (8-10 lớp), tổ chức bộ máy cồng kềnh (phải có đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên), việc đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, hoặc không sử dụng hết công năng, hoặc khó triển khai được,...

Từ thực trạng trên, việc tổ chức sắp xếp lại hợp lý hệ thống cơ sở GDMN và phổ thông sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng giáo dục của đơn vị, của địa phương.

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC, SẮP XẾP LẠI HỆ THỐNG CƠ SỞ GDMN VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 VÀ ĐẾN NĂM 2030

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW);

Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch số 1564/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Bến Tre thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 29-CTr/TU)

2. Mục đích, yêu cầu

a) Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần cụ thể hóa Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU, Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 27/01/2014 của Tỉnh ủy; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập trên địa bàn.

b) Việc tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập đảm bảo các yêu cầu:

- Có lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương, đồng thời đáp ứng với nhiệm vụ cụ thể của Chương trình hành động số 29-CTr/TU đề ra theo từng giai đoạn. Có phổ biến, lấy ý kiến rộng rãi và được sự đồng thuận của nhân dân tại địa phương.

- Việc tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục được thực hiện theo hướng thu gọn một số điểm trường không cần thiết, sáp nhập thành trường nhiều cấp học; bảo đảm được các điều kiện tốt trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, tạo sự thuận lợi cho giáo viên trong giảng dạy và cho học sinh trong học tập.

- Có sự kế thừa những kết quả đã đạt và tiếp tục hoàn thành các mục tiêu của các kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của UBND tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020; đồng thời đáp ứng tốt yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nguyên tắc tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục

- Việc tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục phải dựa trên kết quả rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị, quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDMN, trường phổ thông trên địa bàn; đồng thời dựa theo các mục tiêu của các kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của UBND tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Việc tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục thực hiện theo hướng thu gọn một số điểm trường không cần thiết (đối với GDMN, TH), sáp nhập thành trường nhiều cấp học (đối với TH, THCS); bảo đảm tối thiểu các điều kiện:

+ Việc thu gọn, sáp nhập các điểm trường, các trường chỉ thực hiện đối với các điểm trường có khoảng cách gần nhau (khoảng 200 m).

+ Các trường sau khi được thu gọn, sáp nhập có quy mô không quá 20 nhóm, lớp (đối với GDMN), không quá 30 lớp (đối với TH, THCS).

- Các trường TH, THCS sau khi được tổ chức, sắp xếp lại phải bảo đảm đủ điều kiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lộ trình cụ thể

a) Giai đoạn 2018 - 2020

- Sắp xếp giảm hợp lý các điểm trường lẻ ở các cơ sở GDMN và TH; giảm 14,0% số điểm lẻ so với hiện trạng năm học 2017 - 2018 (GDMN giảm 17,1%; TH giảm 10,7%).

- Giảm 06 trường trên cơ sở sáp nhập 02 trường MN (thành phố Bến Tre); sáp nhập 02 trường TH (Thạnh Phú); sáp nhập 04 trường TH và 04 trường THCS thành 04 trường TH-THCS.

- Tăng 05 trường theo lộ trình của Kế hoạch Phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2016 - 2020 (Kế hoạch số 2182/KH-UBND ngày 06/5/2016) của UBND tỉnh, gồm: THCS Tân Hội (Mỏ Cày Nam), THCS Mỹ Thạnh An (thành

phố Bến Tre), THPT Thạnh Phước (Bình Đại), THPT Long Thới (Chợ Lách) và THPT Nhuận Phú Tân (Mỏ Cày Bắc). Riêng Trường TH-THCS Tân Mỹ (Ba Tri), thành lập mới từ mở rộng Trường TH Tân Mỹ).

- Tổng số cơ sở GDMN, trường phổ thông: 517 đơn vị (giảm 02 đơn vị)[1].

b) Giai đoạn 2021 - 2025

- Tiếp tục sắp xếp giảm các điểm trường lẻ ở các cơ sở GDMN (22,2%) và TH (18,7%).

- Tiếp tục giảm 09 trường phổ thông trên cơ sở sáp nhập 04 trường TH thành 02 trường TH; sáp nhập 07 trường TH và 07 trường THCS thành 07 trường TH-THCS.

- Tổng số cơ sở GDMN, trường phổ thông: 508 đơn vị (giảm 11 đơn vị)[1].

c) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tiếp tục sắp xếp giảm các điểm trường lẻ ở các cơ sở GDMN (25,8%) và TH (22,6%).

- Tiếp tục giảm 08 trường phổ thông trên cơ sở sáp nhập 08 trường TH và 08 trường THCS thành 08 trường TH-THCS.

- Tổng số cơ sở GDMN, trường phổ thông: 502 đơn vị (giảm 17 đơn vị)[1].

(Phụ lục 2)

5. Những giải pháp chủ yếu

a) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nội dung lộ trình tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các cơ sở giáo dục công lập; ý nghĩa, hiệu quả kinh tế, xã hội của việc tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các cơ sở giáo dục công lập trong tỉnh, góp phần cụ thể hóa và hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 29-CTr/TU. Công tác thông tin, tuyên truyền được tiến hành rộng khắp đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tại địa phương để tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

b) Thực hiện công tác dự báo, khảo sát cụ thể và có đánh giá tác động toàn diện đến các cơ sở GDMN, trường phổ thông trên địa bàn (cấp tỉnh, cấp huyện/thành phố, cấp xã) trước và sau khi tổ chức sắp xếp lại; bảo đảm tốt chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập trên địa bàn.

c) Sắp xếp lại biên chế, bộ máy của các đơn vị trường được sáp nhập. Ổn định, củng cố đội ngũ giáo viên; tinh giản nhân sự chủ yếu ở các bộ phận gián tiếp (văn thư, kế toán, y tế, thư viện,...). Bố trí lại nhân sự theo đúng vị trí việc làm; thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư.

d) Tiếp tục đầu tư, bổ sung, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng cơ

[1] Các số tăng (giảm) so với hiện trạng năm học 2017-2018.

chế tài chính,... bảo đảm cho các đơn vị mới sáp nhập đủ điều kiện nâng cao năng lực quản lý và chất lượng giáo dục theo chuẩn quốc gia, đáp ứng tốt yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện; phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các ngành chức năng để tổ chức triển khai kế hoạch này. Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo chế độ báo cáo định kỳ cuối năm.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tổ chức tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nội dung lộ trình tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập theo kế hoạch này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung đầu tư, kinh phí cho công tác tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập.

4. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, sắp xếp lại biên chế, bộ máy của các đơn vị trường được sáp nhập.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền góp phần thực hiện tốt mục tiêu tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thành phố phối hợp với các ban ngành liên quan, tổ chức khảo sát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn, bảo đảm các điều kiện hạ tầng cho tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở GDMN, trường phổ thông công lập trên địa bàn. Chỉ đạo Phòng Thông tin và Truyền thông tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm tạo sự đồng thuận của nhân dân trong việc tiển khai thực hiện kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các sở ngành và UBND các huyện, thành phố cần báo cáo kịp thời về UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ban TG TU, Ban VHXH-HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP-UBND tỉnh;
- Ng/c: KGVX, TH;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Phước

Phụ lục 1

SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG (Năm học 2017-2018)

(Kèm theo Kế hoạch số 2274/KH-UBND ngày 22/ 5/2018 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Huyện/ thành phố	Mầm non					Tiểu học					Trung học cơ sở				Trung học phổ thông			
		Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	T.số lớp	T.số học sinh	Số học sinh/ lớp	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	T.số lớp	T.số học sinh	Số học sinh/ lớp	Số trường (điểm chính)	T.số lớp	T.số học sinh	Số học sinh/ lớp	Số trường (điểm chính)	T.số lớp	T.số học sinh	Số học sinh/ lớp
1	Ba Tri	25	54	192	6,928	36.1	28	43	485	14,239	29.4	22	342	11,766	34.4	5	117	4,783	40.9
2	Châu Thành	24	29	127	4,117	32.4	25	20	363	10,601	29.2	13	209	7,653	36.6	4	79	3,243	41.1
3	Chợ Lách	11	22	97	3,432	35.4	16	18	278	7,815	28.1	10	163	5,769	35.4	2	64	2,669	41.7
4	Bình Đại	20	33	143	4,696	32.8	23	32	376	10,294	27.4	16	218	7,825	35.9	3	73	3,127	42.9
5	Giồng Trôm	22	29	168	5,629	33.5	25	42	412	11,455	27.8	20	259	9,165	35.4	4	97	3,928	40.5
6	Mỏ Cày Bắc	13	29	106	3,707	35.0	18	24	277	7,284	26.3	12	182	6,064	33.3	2	57	2,443	42.9
7	Mỏ Cày Nam	17	35	140	4,724	33.7	23	37	395	10,883	27.6	14	244	8,280	33.9	5	88	3,716	42.2
8	Thạnh Phú	18	34	136	4,680	34.4	19	36	368	10,385	28.2	18	233	8,205	35.2	4	91	3,831	42.1
9	TP. Bến Tre	14	10	126	4,316	34.3	13	-	266	9,233	34.7	7	184	7,327	39.8	4	105	3,727	35.5
	Toàn tỉnh	164	275	1,235	42,229		190	252	3,220	92,189		132	2,034	72,054		33	771	31,467	

Phụ lục 2

LỘ TRÌNH SẮP XẾP LẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Kế hoạch số 2274/KH-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Huyện/ thành phố	Giai đoạn 2018-2020							Giai đoạn 2021-2025							Giai đoạn 2026-2030						
		Mầm non		Tiểu học		THCS	TH-THCS	THPT	Mầm non		Tiểu học		THCS	TH-THCS	THPT	Mầm non		Tiểu học		THCS	TH-THCS	THPT
		Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số điểm trường lẻ	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)	Số trường (điểm chính)
1	Ba Tri	25	50	27	42	22	1	5	25	45	26	34	21	2	5	25	45	24	32	19	4	5
2	Châu Thành	24	19	25	18	13	0	4	24	14	23	14	11	2	4	24	7	21	9	10	4	4
3	Chợ Lách	11	21	16	18	10	0	3	11	21	15	19	10	0	3	11	21	15	19	10	0	3
4	Bình Đại	20	25	23	24	16	0	4	20	23	23	23	16	0	4	20	20	22	24	15	1	4
5	Giồng Trôm	22	21	23	34	18	2	4	22	20	22	32	18	2	4	22	20	21	32	17	3	4
6	Mỏ Cày Bắc	13	22	17	24	11	1	3	13	22	16	24	10	2	3	13	22	17	24	11	1	3
7	Mỏ Cày Nam	17	33	22	33	13	1	5	17	33	21	31	12	2	5	17	33	20	28	11	3	5
8	Thạnh Phú	18	31	18	32	18	0	4	18	30	17	28	17	1	4	18	30	16	27	16	2	4
9	TP. Bến Tre	13	6	13	0	8	0	4	13	6	12	0	7	1	4	13	6	12	0	7	1	4
	Toàn tỉnh	163	228	184	225	129	5	36	163	214	175	205	122	12	36	163	204	168	195	116	19	36

DANH MỤC SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Huyện/ thành phố	Năm học 2017-2018		Giai đoạn 2018-2020		Giai đoạn 2021-2025		Giai đoạn 2026-2030	
		Tên trường	Quy mô (số lớp)	Tên trường	Dự kiến quy mô (số lớp)	Tên trường	Dự kiến quy mô (số lớp)	Tên trường	Dự kiến quy mô (số lớp)
1	Ba Tri								
				TH-THCS Tân Mỹ	20				
		TH An Đức	14			TH-THCS An Đức	24		
		THCS An Đức	10						
		TH Vĩnh An	15					TH-THCS Vĩnh An	26
		THCS Vĩnh An	11						
		TH Mỹ Thạnh	14					TH-THCS Mỹ Thạnh	24
		THCS Mỹ Thạnh	10						
2	Châu Thành								
		TH Giao Long	9			TH-THCS Giao Long	17		
		THCS Giao Long	8						
		TH Nguyễn Văn Khá	12			TH-THCS Nguyễn Văn Khá	21		
		THCS Tiên Long	9						
		TH Tường Đa	12					TH-THCS Phan Triêm	20
		THCS Phan Triêm	8						
3	Chợ Lách								
		TH Hưng Khánh Trung C	14			TH Hưng Khánh Trung B	21		
		TH Hưng Khánh Trung B	8						

4	Bình Đại								
		TH Nguyễn Văn Đồn	10					TH-THCS Nguyễn Văn Đồn	13
		THCS Nguyễn Văn Đồn	4						
		TH Cao Thành San	10					TH-THCS Cao Thành San	20
		TH Trịnh Viết Bàng	9						
5	Giồng Trôm								
		TH Thuận Điền	12	TH-THCS Thuận Điền	18				
		THCS Thuận Điền	6						
		TH Linh Phụng	18	TH-THCS Hoàng Lam	26				
		THCS Hoàng Lam	8						
		TH Bình Thành 1	13			TH Bình Thành	25		
		TH Bình Thành 2	12						
		TH Lương Hòa	15					TH-THCS Lương Hòa	22
		THCS Lương Hòa	8						
6	Mỏ Cày Bắc								
		TH Tân Thanh Tây	11	TH-THCS Tân Thanh Tây	19				
		THCS Tân Thanh Tây	8						
		TH Tân Phú Tây	16			TH-THCS Tân Phú Tây	29		
		THCS Tân Phú Tây	13						
7	Mỏ Cày Nam								
		TH Phước Hiệp	17	TH-THCS Phước Hiệp	25				
		THCS Phước Hiệp	8						
		TH Đa Phước Hội	18			TH-THCS Đa Phước Hội	28		
		THCS Đa Phước Hội	10						
		TH Tân Hội	18					TH-THCS Tân Hội	28
		THCS Tân Hội	10						

8	**Thạnh Phú**								
		TH Thạnh Phong A	19	TH Thạnh Phong	29				
		TH Thạnh Phong B	10						
		TH An Nhơn	16			TH-THCS An Nhơn	26		
		THCS An Nhơn	10						
		TH Huỳnh Thanh Mua	13					TH-THCS Phú Khánh	24
		THCS Phú Khánh	11						
9	**TP. Bến Tre**								
		MN Trúc Giang	9	MN Đồng Khởi	12				
		MN Đồng Khởi	9						
		TH Nhơn Thạnh	16			TH-THCS Nhơn Thạnh	26		
		THCS Nhơn Thạnh	10						